

Bài 3 : Sử dụng CSS + Javascript

Môn : Lập trình và Thiết kế Web 1

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

2007

Authored by: Trần Duy Hoàng - Tran Duy Hoang

Bài 3 : Sử dụng CSS + Javascript

Môn : Lập trình và Thiết kế Web 1

1. Lợi ích khi sử dụng CSS trong thiết kế web:

Hãy thiết kế trang web về các bảng Thời khóa biểu của 1 trường Đại học:

TKB của Khoa CNTT:

	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Tiết 1	TKWeb 1			LTĐT			TK CSDL
Tiết 2	HĐH	TK CSDL	TKWeb 1		TKWeb 1	CSDL	
Tiết 3	CSDL	LTĐT	HĐH	TK CSDL		LTĐT	TKWeb 1
Tiết 4			CSDL		HĐH		

TKB của khoa Hóa, khoa Lý, khoa Toán, khoa Sinh, ...

Với ví dụ trên, ta cần định dạng văn bản nhiều nơi. Khi có nhu cầu thay đổi định dạng (VD: thay màu sắc cho từng môn khác nhau) thì phải tốn nhiều công sức và thời gian. Trước nhu cầu vậy, ta cần tạo ra các mẫu định dạng chung (cho từng môn) rồi áp dụng các mẫu định dạng cho từng môn học. Khi có nhu cầu thay đổi, ta chỉ cần thay đổi trên mẫu. Do các định dạng đã được định nghĩa trong tập tin css, nên phần mã HTML của trang web được thu gọn lại nhiều, giúp cho việc kiểm soát mã HTML được dễ dàng hơn.

2. CSS (Cascading Style Sheet):

Là một dạng tài liệu chứa các thông tin về các mẫu định dạng mà tài liệu thông tin này có thể được nhiều trang web sử dụng. Các mẫu này dùng để định nghĩa cách thức hiển thị (đường kẻ khung, khoảng cách giữa các dòng, ...) và định dạng (màu chữ, kiểu chữ, màu nền, ...) của phần nội dung của trang web. Chú ý: Có một số trình duyệt không hỗ trợ CSS.

Các loại CSS: (gồm 3 loại)

	Loại	Định nghĩa – Cú pháp – Ví dụ	Độ ưu tiên
Format		Định dạng bình thường.	1
CSS	Inline	Được định nghĩa ngay tại thẻ HTML cần định dạng. Phạm vi sử dụng: Tại thẻ HTML được định nghĩa. Cú pháp, VD (Xem thêm trong trang 2 Bài 3 - HDTH).	2
	Embedded	Được định nghĩa ở bên trong thẻ <head> </head>. Phạm vi sử dụng: Trong file .htm đã định nghĩa. Cú pháp, VD (Xem thêm trong trang 3 Bài 3 - HDTH).	3

	Linked	Được định nghĩa ở trong 1 file .css riêng lẻ. Phạm vi sử dụng: Áp dụng cho các trang web liên kết đến file .css này. <u>Đây là dạng css được sử dụng nhiều nhất.</u> Cú pháp, VD (Xem phần tiếp theo)	4
--	--------	---	---

Chú ý: Nếu cùng một nội dung trên trang web mà sử dụng nhiều kiểu định dạng thì nội dung đó sẽ áp dụng định dạng có độ ưu tiên cao nhất.

3. CSS dạng Linked:

Đây là loại css được sử dụng nhiều nhất. Nó dùng để định nghĩa các mẫu định dạng và lưu trong một file riêng lẻ (có phần mở rộng .css). Chỉ những trang web cần sử dụng các mẫu thì sẽ liên kết đến file css có chứa mẫu đó.

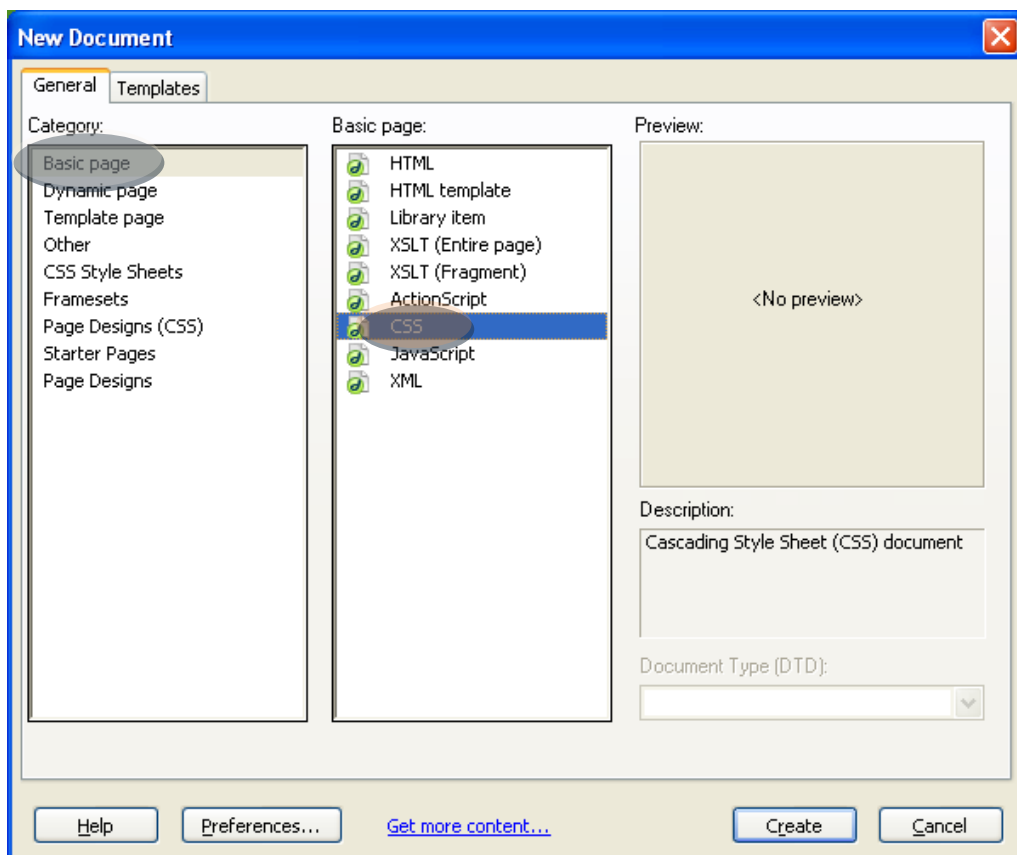
Cú pháp :

Cú pháp	Giải thích	Ví dụ
<pre> Selector1 { Property1: Value; Property2: Value; } Selector2 { Property1: Value; Property2: Value; } </pre>	<p>Selector:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên thẻ HTML (nếu mẫu này định dạng cho thẻ). + Tên mẫu mới do người dùng định nghĩa (các tên này không được trùng lặp nhau trong cùng một file css). 	<p><u>VD1</u>: Định nghĩa mẫu cho thẻ HTML</p> <pre> p { color : #008000; font-weight : bold } <u>VD2</u>: Định nghĩa mẫu mới .Mau1 { color : #008000; font-weight : bold } </pre>

Cách định nghĩa css trong Dreamweaver

- **Bước 1**: Tạo file css mới hoặc mở file css có sẵn để chèn thêm mẫu định dạng mới.

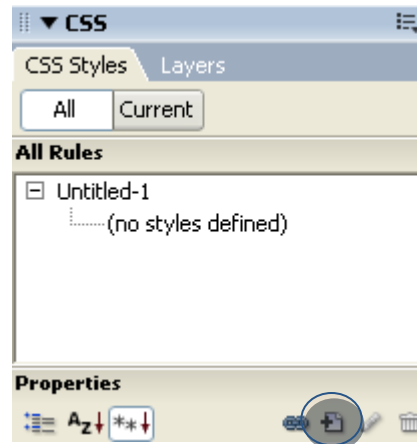
File
→ New...
→ Basic page
→ Chọn CSS



- **Bước 2:** Định nghĩa mẫu định dạng mới.

Chọn Menu Window - CSS Style

Chọn nút Add

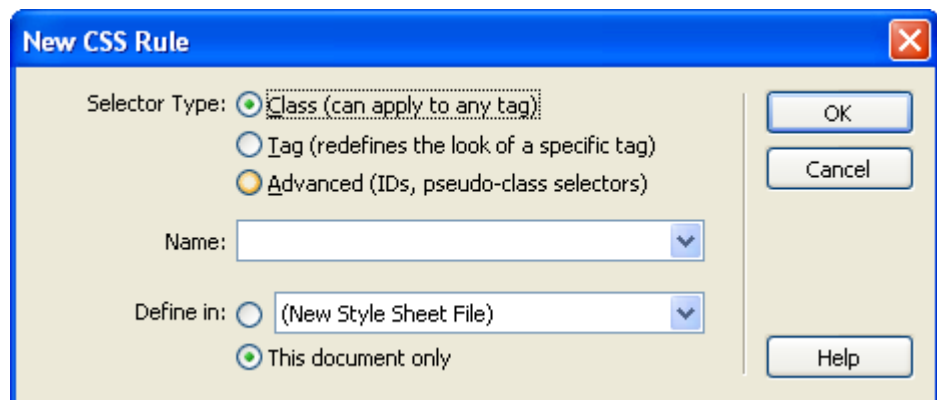


Class : định nghĩa một mẫu định dạng mới (có thể áp dụng cho bất kì thẻ Tag nào)

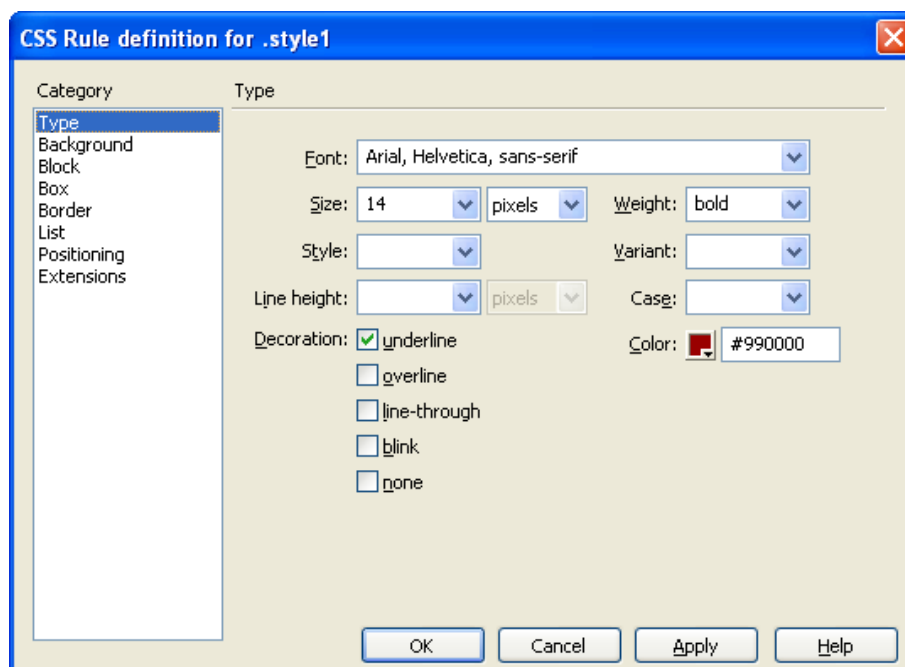
Tag : định nghĩa lại mẫu định dạng cho 1 Tag nhất định

Advanced : định nghĩa mẫu định dạng cho những Tag có ID nhất định.

Name : tên của định dạng.



Nhập các thông tin định dạng.



Kết quả ta được một định nghĩa mẫu mới.

```
1 .style1 {  
2   font-family: Arial, Helvetica, sans-serif;  
3   font-size: 14px;  
4   font-weight: bold;  
5   color: #990000;  
6   text-decoration: underline;  
7 }
```

- **Bước 3:** Định nghĩa thêm các mẫu mới nếu cần (quay lại bước 2).
- **Bước 4:** Lưu file css (File → Save).

Liên kết (link) file css vào file web .htm từ Dreamweaver:

Chú ý: Phần này chỉ thực hiện khi file css chưa từng được liên kết vào file web.htm. Nếu file css đã liên kết vào file web htm, ta bỏ qua bước này.

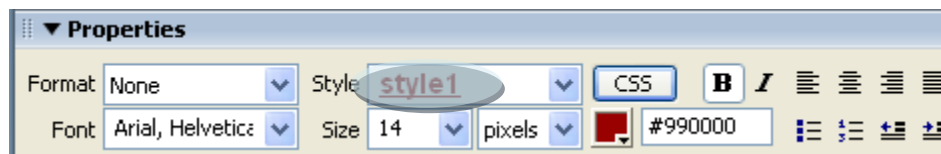
- **Bước 1:** Mở trang web.htm cần tạo liên kết đến file .css
- **Bước 2:** Tạo liên kết. Từ menu Text → CSS Style → Attach Style Sheet → Chọn file .css cần liên kết.

Áp dụng Mẫu định dạng trong file css cho nội dung trang web:

(áp dụng cho định dạng ô trong bảng Thời khóa biểu)

	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Tiết 1	TKWeb 1			LTĐT			TK CSDL
Tiết 2	HĐH	TK CSDL	TKWeb 1		TKWeb 1	CSDL	
Tiết 3	CSDL	LTĐT	HĐH	TK CSDL		LTĐT	TKWeb 1
Tiết 4			CSDL		HĐH		

- **Bước 1:** Chọn ô trên bảng cần áp dụng mẫu Mau1 trong file formatTable.css
- **Bước 2:** Chọn cell cần định dạng. Vào cửa sổ Property chọn style : style1
- **Bước 3:** Từ cửa sổ Modify Style, chọn tên mẫu cần áp dụng trong danh sách Class → Ok



- **Bước 4:** Kiểm tra lại kết quả áp dụng mẫu. Chọn ô vừa mới áp dụng mẫu, chuyển qua chế độ Code.

Bảng so sánh mã lệnh HTML cho 1 dòng trong thời khóa biểu:

Tiết 1	TKWeb 1			LTĐT			TK CSDL
--------	---------	--	--	------	--	--	---------

Không sử dụng css, chỉ sử dụng định dạng bình thường

```

64 <tr>
65   <td width="82" valign="top" style="width: 61.55pt; border-left: 1.0pt solid black; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
66     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
67       <font face="Times New Roman"><font size="3">Tiết</font><font size="3">
68       1</font></font></td>
69   <td width="82" valign="top" style="width: 61.6pt; border-left: medium none; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
70     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
71       <font face="Times New Roman"><font size="3">TKWeb</font><font size="3">
72       1</font></font></td>
73   <td width="82" valign="top" style="width: 61.6pt; border-left: medium none; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
74     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
75       <font size="3" face="Times New Roman">&nbsp;</font></td>
76   <td width="82" valign="top" style="width: 61.6pt; border-left: medium none; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
77     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
78       <font size="3" face="Times New Roman">&nbsp;</font></td>
79   <td width="82" valign="top" style="width: 61.6pt; border-left: medium none; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
80     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
81       <font size="3" face="Times New Roman">LTĐT</font></td>
82   <td width="82" valign="top" style="width: 61.6pt; border-left: medium none; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
83     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
84       <font size="3" face="Times New Roman">&nbsp;</font></td>
85   <td width="82" valign="top" style="width: 61.6pt; border-left: medium none; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
86     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
87       <font size="3" face="Times New Roman">&nbsp;</font></td>
88   <td width="82" valign="top" style="width: 61.6pt; border-left: medium none; border-right: 1.0pt solid black; border-top: 1.0pt solid black; border-bottom: 1.0pt solid black;">
89     <p align="center" style="text-align: center; margin-bottom: .0001pt">
90       <font face="Times New Roman"><font size="3">TK</font><font size="3">
91       CSDL</font></font></td>
92 </tr>

```

Sử dụng CSS linked

```

164 <tr>
165   <td width="88">
166     <p class="Mau4">Tiet 1</td>
167   <td width="90">
168     <p class="Mau1">TKWeb 1</td>
169   <td>&nbsp;</td>
170   <td width="93">&nbsp;</td>
171   <td width="88">
172     <p class="Mau2">LTĐT</td>
173   <td>&nbsp;</td>
174   <td width="91">&nbsp;</td>
175   <td width="90">
176     <p class="Mau3">TKCSDL</td>
177 </tr>

```


4. Bài tập

Bài tập 1 :

Hoàn thành bài ví dụ Thời khóa biểu

Bài tập 2 :

Làm highlight menu cho trang web (kết hợp Java script)

Tham khảo đoạn mã lệnh sau.

```
<html>
<head>
  <title>HightLight MENU</title>
  <link href="main.css" rel="stylesheet" type="text/css">

  <Script language="JavaScript">
function HightLight(what, onoff)
{
    var className = ((onoff == 1) ? 'mainmenu_over' : 'mainmenu');
    what.className = className;
}
  </Script>
</head>

<body>
  <table>
    <tr>
      <a href="www.fit.hcmuns.edu.vn">
        <td width="200" class="mainmenu"
OnMouseOver="HightLight(this, 1)" OnMouseOut="HightLight(this, 0)">Khoa CNTT
- Truong DHKHTN</td>
      </a>
    </tr>
    <tr>
      <a href="www.w3schools.com">
        <td width="200" class="mainmenu"
OnMouseOver="HightLight(this, 1)" OnMouseOut="HightLight(this,
0)">W3Schools</td>
      </a>
    </tr>
  </table>
</body>
</html>
```

Bài tập 3 :

Sử dụng CSS cho tất cả trang web đã làm.

Tổ chức thư mục lưu file css. Mỗi loại định dạng (VD: Định dạng cho table, định dạng cho font, định dạng cho paragraph, định dạng border cho hình, ...) lưu trong một file css riêng.